

Ngôn ngữ giới trẻ hiện nay nhìn từ quan điểm một số lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại

Nguyễn Văn Hiệp^(*)

Tóm tắt: *Ngôn ngữ giới trẻ hiện nay là một hiện tượng xã hội gây nhiều phản ứng trái ngược: đa số ý kiến phê phán, nhưng cũng có những ý kiến tán đồng hoặc thông cảm, cho rằng đây là một hiện tượng ngôn ngữ gắn với sự phát triển của xã hội hiện đại. Trong bài viết này, thay vì phát biểu ý kiến một cách cảm tính, dựa trên tình cảm yêu ghét, bày tỏ thái độ quyết liệt như vẫn thường thấy trên các phương tiện truyền thông hiện nay, chúng tôi trình bày các cách nhìn khác nhau đối với ngôn ngữ giới trẻ hiện nay từ quan điểm của một số lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại. Theo chúng tôi, cảm tính không thể thay thế lý tính của các luận điểm khoa học.*

Từ khóa: Ngôn ngữ giới trẻ, Ngôn ngữ học hiện đại, Ngữ pháp chức năng hệ thống, Ngữ pháp tạo sinh

1. Những quan điểm trái chiều về tiếng Việt “phi chuẩn” của giới trẻ hiện nay

Trong bối cảnh Việt Nam đang tiến hành đổi mới và hội nhập quốc tế, cùng với những thay đổi chóng mặt về kinh tế và xã hội, vấn đề phát triển và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt đang được đặt ra một cách cấp bách, với những vấn đề rất mới mẻ.

Về nguyên tắc, cũng như tất cả các sinh ngữ khác, tiếng Việt phải phát triển để đáp ứng nhu cầu diễn đạt nhận thức chung của xã hội đang phát triển, nhu cầu biểu đạt tình cảm ngày càng

phức tạp và tinh tế của người Việt. Đặc biệt, cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ, một loạt hình thức giao tiếp mới ra đời như thư điện tử, chat, mạng xã hội, v.v... đã tạo nên những dạng giao tiếp ngôn ngữ trước đây chưa từng có.

Tuy nhiên, sự phát triển mạnh mẽ ấy cũng kéo theo vô số những hệ lụy, trong đó có những hệ lụy liên quan đến vấn đề giữ gìn và phát triển tiếng Việt, thể hiện qua những cách nói bị đánh giá là “phi chuẩn” của giới trẻ hay thế hệ @ hiện nay. Nói chung, có thể thấy, xã hội đang bất an về ngôn ngữ. Bằng chứng là đã có hàng loạt bài viết trên các phương

^(*) GS.TS., Viện trưởng Viện Ngôn ngữ học.

tiện truyền thông báo động về thực trạng tiếng Việt hiện nay như: “Tiếng Việt đang méo mó”, “Nỗi lo chính tả”, “Phải giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”, “Tiếng Việt thời nay: nên cười hay nên khóc”, “Nghĩ về tiếng Việt mạng xã hội”, “Lộn xộn tiếng Việt thời giao lưu văn hóa”, “Cười ra nước mắt, tiếng Việt thời nay”,...

Nguyên nhân của tình trạng này, theo sự chỉ trích của các tác giả những bài báo trên, là do ảnh hưởng từ mặt trái của nền kinh tế thị trường, sự xuống cấp của đạo đức xã hội, sự nông nổi của các bạn trẻ thế hệ 8x, 9x và cả sự buông lỏng kỷ cương trong việc sử dụng từ ngữ đối với các phương tiện thông tin đại chúng...

Tuy nhiên, cũng có một số ý kiến cho rằng không nên quá lo lắng, những cái “nhố nhăng”, “quá đà”, “kì dị” trong cách diễn đạt của giới trẻ hiện nay sẽ nhanh chóng qua đi, và tiếng Việt đủ nội lực để tự bảo vệ, để trường tồn cùng dân tộc. Vả chăng, cách nói của giới trẻ hiện nay cũng mang đến những sáng tạo thú vị. Chẳng hạn, trong buổi tọa đàm “Ngôn ngữ giới trẻ thời @ qua tranh của họa sĩ Thành Phong” được tổ chức vào tháng 3/2012 tại Hà Nội, khi đánh giá về những kiểu nói như “Chán như con gián”, “Chảnh như con cá cảnh”, “Đỏ hơi biết bơi”, “Ăn chơi sợ gì mưa rơi”,..., nhà giáo Văn Như Cương đã bày tỏ sự thích thú với lối sáng tạo ngôn ngữ của giới trẻ hiện nay. Ông cho rằng, những kiểu nói này đã thật sự mang lại những ý nghĩa rất thú vị và bất ngờ mà lối nói truyền thống không thể diễn tả được. Hơn thế nữa, ông cho rằng lối nói này thể hiện một sự chuyển đổi từ cái cũ sang cái mới, phản ánh

những vấn đề hết sức thú vị của lịch sử. Ông nêu ví dụ, ngày xưa ông cha ta nói “cái khó bó cái khôn” là để chỉ cái đối cái nghèo ngăn trở chúng ta thành công trong cuộc sống. Nhưng trong kháng chiến chống Pháp, cả dân tộc gặp “cái khó” mới “lò cái khôn”, thể hiện ở những nỗ lực vượt lên mọi khó khăn để chiến đấu và chiến thắng. Tuy nhiên, nếu cứ đối mãi, cứ khó mãi, thì “cái khó lò cái ngu”. Rõ ràng ba câu nói - “Cái khó bó cái khôn”/ “Cái khó lò cái khôn”/ “Cái khó lò cái ngu” - đã phản ánh ba thời kỳ lịch sử khác nhau chứ hoàn toàn không phải là sự biến đổi ngôn ngữ tùy tiện. Với cái hay của ba lối nói này, nhà giáo Văn Như Cương kết luận: “Làm sao tôi không mê cho được?”.

Trong bài viết này, chúng tôi không vội phê phán hay cổ súy cách dùng ngôn ngữ của giới trẻ hiện nay. Thay vào đó, chúng tôi cho rằng tình trạng sử dụng tiếng Việt “phi chuẩn” của giới trẻ hiện nay cần được khảo sát trong những chiều kích khác nhau và nhà ngôn ngữ học phải đi tìm lý luận ngôn ngữ học hiện đại để trả lời câu hỏi đang được đặt ra một cách bức xúc đối với toàn xã hội: Tình trạng sử dụng tiếng Việt như vậy có thật sự nghiêm trọng hay không? Chúng ta cần phải làm gì để phát triển và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, cũng là một cách để giữ gìn bản sắc văn hóa Việt?

2. Phác họa thực trạng tiếng Việt bị coi là “phi chuẩn” của giới trẻ hiện nay

Chúng tôi cho rằng, những vấn đề mới đặt ra đối với việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt là hiện tượng giới trẻ dùng những kết hợp khác lạ, sử dụng tiếng Việt biến âm trong lời nói và chữ viết, vấn đề sử dụng tiếng Anh xen lẫn

với tiếng Việt. Những hiện tượng này có thể được miêu tả khái quát như sau:

- *Sử dụng ngôn ngữ khác lạ, phi logic*

Giới trẻ thích sử dụng những cách nói có vẻ rất vô nghĩa, kì lạ, kiểu như: “Cướp trên giàn mướp”, “Buồn như con chuồn chuồn”, “Chảnh như con cá cảnh”, “Chán như con gián”,... hoặc sử dụng những kết hợp bất thường, kiểu như “Hơi bị đẹp”.

Giới trẻ sử dụng cách nói chơi chữ (chủ yếu dựa trên hiện tượng đồng âm), ví dụ: “Yêu nhau trong sáng, phang nhau trong tối”, “Campuchia tiền ăn trưa”,...

- *Sử dụng tiếng Việt biến âm trong lời nói và chữ viết*

Thực trạng này đã gây sốc cho nhiều người, đặc biệt là các bậc cha mẹ. Họ sốc vì cách nói mà theo họ là làm “méo mó” tiếng Việt của bọn trẻ, họ sốc vì không thể hiểu được bọn trẻ nói gì.

Trong tin nhắn điện thoại di động, trong chat trực tuyến, v.v... rất phổ biến

cách diễn đạt kiểu như: từ “rồi” viết thành “roài”, “không” thành “hông”/“hem”, “biết” thành “bít”. Kết quả là có những câu như: “The la cau hem bit roai, hihi” (“dịch” ra ngôn ngữ bình thường là “Thế là cậu không biết rồi, hi hi”). Xa hơn nữa, thế hệ @ còn “sáng tạo” những cách viết kì dị, như chữ “a” viết thành 4, chữ e viết thành 3, i thành j, g đổi sang 9, o thành 0, c thành k, b thành p, v.v... Câu “Thế là cậu không biết rồi, hi hi” trên đây sẽ được viết là: “Th3 l4 k4u h3m pjt r04j, hyhy”.

Cách diễn đạt này bí hiểm đến nỗi một nữ sinh ở thành phố Hồ Chí Minh đã bỏ công viết phần mềm dịch ngôn ngữ @, đặt tên là V2V (Việt sang Việt). Hình phía dưới là một minh họa cho ứng dụng của phần mềm này.

Tuy nhiên, phần mềm V2V vẫn không theo kịp tốc độ biến dạng của ngôn ngữ @. Bởi càng về sau, lớp tuổi @ càng có nhiều cách biến tấu khiến phần mềm V2V phiên bản đầu tiên trở nên lạc lậu, không dịch chính xác được. Hệ quả là, tác giả phải tiếp tục nghiên cứu



và nâng cấp lên phiên bản 1.3, đến nay đã là... 1.4. (Dẫn theo: Nguyễn Văn Toàn, “Tiếng Việt đang bị... bụi bặm”, <http://www.vietnamnet.vn/vn/chinh-tri/tuanvietnam/71742/tieng-viet-dang-bi-bui-bam-.html>).

- Sử dụng tiếng Anh xen lẫn với tiếng Việt

Thế hệ @ nhìn chung là thế hệ giỏi ngoại ngữ. Trong ngôn ngữ của họ, tình trạng dùng tiếng Anh xen lẫn tiếng Việt khá phổ biến. Chẳng hạn, đây là một lời tự giới thiệu của một bạn “tuổi teen”: “Hi mọi người! Mình là..., mình rất vui được làm quen với everybody. Mình đang study ở ... High School. Mình rất confident trong các extracurricular activities. Hiện nay mình đang cope up with chương trình học rất killer của trường... Nhưng mình tin với capacity của mình, mình sẽ hoàn thành completly cái syllabus đó” (<http://www.bacgiangonline.net/diendan/showthread.php?t=10709&page=1>).

Hiện tượng dùng tiếng Anh lẫn với tiếng Việt không chỉ thấy ở thế hệ @, mà còn thấy ở những người lớn tuổi từng đi du học ở nước ngoài hoặc trong công việc hàng ngày có điều kiện tiếp xúc thường xuyên với người nước ngoài. Chẳng hạn, một khách hàng của Việt Nam Airlines có thể nói với nhân viên phòng vé: “Vé này có cần con phom (confirm) lại không chị?”. Nguy cơ của cách nói này là có thể hình thành một loại ngôn ngữ lai (pidgin), như cách nói “Tây bồi” trước năm 1945.

3. Đánh giá ngôn ngữ giới trẻ hiện nay từ góc độ một số lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại

Những vấn đề của tiếng Việt như nói theo kiểu tiếng nước ngoài, nói tiếng

Việt xen lẫn với tiếng nước ngoài, cách diễn đạt khác lạ của giới trẻ, v.v... đã được giới ngôn ngữ học quan tâm từ nhiều góc độ khác nhau, với cách đặt vấn đề khác nhau.

Thứ nhất, hiện tượng dùng tiếng nước ngoài xen lẫn với tiếng Việt có liên quan đến vấn đề chuyển mã (Code-Switching), trộn mã (Code-mixing) và vay mượn (borrowings), được bàn luận rất nhiều trong các nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội (Nguyễn Thúy Nga, 2013). Theo các nhà ngôn ngữ học xã hội, hiện tượng này có liên quan đến tư cách thành viên thuộc nhóm xã hội nhất định trong các xã hội đa ngữ. Có một mối quan hệ giữa những hiện tượng này với vị thế giai cấp, vị thế tộc người và vị thế xã hội. Nó cũng được xem là một cách cấu trúc hóa sự trao đổi trong tương tác ngôn từ. Đặc biệt, một số nhà phân tích diễn ngôn cho rằng chuyển mã và trộn mã không chỉ phản ánh các trạng thái xã hội mà nó còn là công cụ để tạo ra trạng thái xã hội. Suy cho cùng, đây là những cách để đánh dấu nhóm xã hội đơn giản nhất, không tốn kém, vì thế được giới trẻ đặc biệt ưa thích.

Thứ hai, các cách diễn đạt khác lạ của giới trẻ cũng được các nhà ngôn ngữ học xã hội xem như là một cách đánh dấu nhóm và thể hiện bản sắc. Việc giới trẻ dùng ngôn ngữ theo kiểu riêng biệt là một cách thể hiện bản sắc của mình, nói tóm lại, đó là một cách biểu đạt nghĩa cá nhân và liên nhân, thuộc về cái gọi là “phong cách xã hội” (social style). Với những biểu hiện ngôn ngữ như vậy, ngôn ngữ học xã hội nêu ra vấn đề về những biến thể cá nhân trong nội bộ cá nhân (Crystal David, 2006; Coupland, 2007; Biber and Conrad, 2009). Giới trẻ

sáng tạo ra cách nói khác lạ để giúp chúng phân biệt với các thế hệ trước, thế hệ mà chúng nói vui là thế hệ của các ông Khốt, cụ Khốt (Khốt-ta-bit, tên nhân vật chính trong tác phẩm của Lazar Lagin).

Ngoài cách tiếp cận của ngôn ngữ học xã hội, còn có thể tiếp cận và đánh giá hiện tượng tiếng Việt “phi chuẩn” từ góc độ của hai lý thuyết ngôn ngữ học nổi tiếng hiện nay là *ngữ pháp chức năng hệ thống* của Halliday và *ngữ pháp tạo sinh* của Chomsky, với kết quả trái ngược nhau.

Ngữ pháp chức năng hệ thống của Halliday xem ngôn ngữ như một nguồn lực tạo nghĩa và cho rằng ngôn ngữ đã tiến hóa để có được những cấu trúc khác nhau, làm cơ sở lựa chọn để chúng ta có thể biểu đạt nghĩa kinh nghiệm, nghĩa liên nhân và nghĩa văn bản. Trong hệ thống ngữ pháp chức năng hệ thống của Halliday, những hiện tượng “phi chuẩn” có thể được xếp vào các đặc trưng phương ngữ (dialect), hoặc các đặc trưng ngữ vực (register). Phương ngữ là ngôn ngữ được tổ chức liên quan đến người nói là ai (who the speaker is) theo nghĩa địa lý hoặc xã hội (theo đó mà ta có phương ngữ địa lý và phương ngữ xã hội). Còn ngữ vực là ngôn ngữ được tổ chức liên quan đến “công dụng nào được thực hiện bởi ngôn ngữ” (what use is being made of language). Halliday xem ngữ vực, hay “ngôn ngữ theo công dụng” như là một bình diện của cách tổ chức ngữ nghĩa, có thể được cụ thể hóa thông qua các khái niệm về trường (cách tổ chức của nghĩa tư tưởng và kinh nghiệm), góc độ tiếp cận (cách tổ chức của nghĩa văn bản) và giọng điệu (cách tổ chức của nghĩa liên nhân) (Halliday, 1985).

Có thể thấy theo Halliday, những đặc trưng ngữ vực là kết quả của những lựa chọn mà giới trẻ dùng để biểu nghĩa. Vì thế, những cách nói khác lạ, “lệch chuẩn”, suy cho cùng, cũng là cách mà người nói dùng để thể hiện nghĩa.

Ngôn ngữ giới trẻ có cả những mặt tích cực và mặt tiêu cực. Nhưng bất luận là tích cực hay tiêu cực thì theo góc nhìn của ngữ pháp chức năng hệ thống, những cách nói “phi chuẩn” như vậy đều tồn tại một cách khách quan, là cơ sở nguyên liệu cho các lựa chọn tiếp theo. Hay nói cách khác, ngữ pháp chức năng hệ thống cho rằng ngôn ngữ “phi chuẩn” cũng là một phần của hệ thống các chọn lựa, và về nguyên tắc, các hình mẫu “phi chuẩn” sẽ có tính sản sinh, có thể được nhân lên trong nhiều tình huống giao tiếp khác. Trên quan điểm phát triển, nếu như hiện tượng “phi chuẩn” tích cực có thể có những đóng góp tốt cho ngôn ngữ thì những hiện tượng “phi chuẩn” tiêu cực sẽ dần dần làm tha hóa, biến đổi hệ thống ngôn ngữ theo chiều hướng xấu. Hệ quả là, từ cách tiếp cận của ngữ pháp chức năng hệ thống, thực trạng ngôn ngữ “phi chuẩn” tiêu cực của giới trẻ hiện nay là đáng báo động, cần có những biện pháp để ngăn ngừa, giáo dục giới trẻ tìm về những cách nói trong sáng, chuẩn mực, được cộng đồng chấp nhận.

Tuy nhiên, đối với những hiện tượng tiếng Việt “phi chuẩn” hiện nay, những người theo lý thuyết *ngữ pháp tạo sinh* của Chomsky có một cách đánh giá khác. Dựa trên giả định rằng khả năng ngôn ngữ là bẩm sinh, được di truyền và cú pháp gồm những quy tắc mang tính tự trị, độc lập với nghĩa và cách sử dụng, ngữ pháp tạo sinh của Chomsky cho

rằng những hiện tượng ngôn ngữ không hoàn hảo, bị thoái hóa (degenerate) nói chung, hay cách dùng ngôn ngữ “phi chuẩn” của giới trẻ hiện nay nói riêng sẽ không thể làm sai lệch hay biến đổi hệ thống ngôn ngữ (Chomsky, 1965; Cook and Newson, 2007).

Với quan điểm cho rằng trong tiếng Anh, một câu như “Colourless green ideas sleep furiously” (tạm dịch: Những tư tưởng xanh lục, không màu đang ngủ một cách giận dữ”) là hoàn toàn đúng ngữ pháp (mặc dù kì dị về ngữ nghĩa và ngữ dụng), thì theo lý thuyết của Chomsky, các kết hợp “phi chuẩn” của giới trẻ Việt Nam hiện nay như “cướp trên giàn mướp”, “buồn như con chuồn chuồn”, “nhí nhảnh con cá cảnh” cũng hoàn toàn đúng ngữ pháp bởi lẽ các kết hợp này tuân thủ nguyên tắc đã được xác lập trước đó qua các kết hợp được coi là đúng ngữ pháp, chẳng hạn như “cướp trên tàu”, “buồn như đám tang”, “nhí nhảnh con nít”. Vì thế những kết hợp như vậy không hề làm biến đổi hệ thống ngữ pháp tiếng Việt.

Cũng theo lý thuyết của Chomsky, việc sử dụng tiếng Việt biến âm, thay đổi chính tả, hiện tượng nói xen tiếng Anh vào tiếng Việt (vay mượn, chuyển mã hay trộn mã), v.v... chỉ là những lỗi thể hiện, lỗi về ngữ thi (performance), chúng hoàn toàn không có tác động làm thay đổi các quy tắc của ngữ pháp phổ quát nói chung và ngữ pháp tiếng Việt nói riêng đã được xác lập ở tầng sâu.

Nếu giả thuyết trí não con người đã được cài đặt sẵn những nguyên tắc ngôn ngữ phổ quát (universal grammar), như là các bản thiết kế, giúp trẻ con thụ đắc được ngữ pháp của tiếng mẹ đẻ một cách dễ dàng, là đúng, thì hệ luận là

một khi đứa trẻ đã xác lập được cơ cấu ngữ pháp của tiếng mẹ đẻ (lúc đứa trẻ chừng 7 tuổi) thì những sai lệch trong ngữ thi về sau không thể can thiệp và làm thay đổi được hệ thống ngữ pháp đã được xác lập trước đó.

Vì thế, đối với những môn đệ của Chomsky, những lo lắng rằng các hiện tượng “phi chuẩn” trong ngôn ngữ giới trẻ hiện nay có thể làm hỏng tiếng Việt, làm tha hóa tiếng Việt, là những lo lắng thái quá, không có cơ sở chính đáng. Dĩ nhiên, chúng ta vẫn cần có chính sách giáo dục ngôn ngữ tốt, giúp giới trẻ hiểu được cái hay, cái đẹp của tiếng Việt, của văn hóa Việt thấm đẫm trong tiếng Việt truyền đời của cha ông. Có điều, nếu đứng trên quan điểm của ngữ pháp tạo sinh, chúng ta sẽ không bị quan, sợ hãi về khả năng tiếng Việt bị tha hóa.

4. Thay lời kết

Tóm lại, sự biến động trong ngôn ngữ giới trẻ nên được hiểu như một sự vận động tất yếu trong nội tại ngôn ngữ. Tuy nhiên, việc chấp nhận hay nhân rộng nó đến đâu cũng phụ thuộc một phần vào ý thức của xã hội. Quy luật chung là cái hay sẽ được phổ biến, được cộng đồng chấp nhận; cái dở sẽ bị đào thải, sử dụng thưa dần rồi mất đi. Ngôn ngữ sẽ tự có cơ chế sàng lọc, điều tiết riêng của nó.

Cho dù có bị quan hay lạc quan khi xem xét vấn đề từ các góc độ lý thuyết khác nhau thì đứng trước sự biến động hay hiện tượng ngôn ngữ “phi chuẩn” của giới trẻ hiện nay, điều quan trọng là cần duy trì và phát triển một nền giáo dục ngôn ngữ tốt, đặc biệt thông qua nhà trường và các phương tiện truyền thông, vừa giữ gìn sự trong sáng, vừa tạo điều kiện cho tiếng Việt phát triển.

Tuy nhiên, giáo dục ý thức ngôn ngữ phải luôn tính đến yếu tố tâm lý lứa tuổi, và điều này cần được đặc biệt lưu ý khi xây dựng bất cứ một quy định, chính sách nào can thiệp đến việc sử dụng ngôn ngữ của giới trẻ.

Về mặt *dự báo*, có thể tiên lượng rằng một số cách nói hài hước, thú vị, không phản cảm của giới trẻ hiện nay sẽ được xã hội chấp nhận, và có thể đi vào hệ thống tiếng Việt như những thành ngữ, tục ngữ mới, những khuôn mẫu diễn đạt mới. Tuy nhiên, phần lớn cách nói, cách viết của thế hệ @ sẽ dần dần trở nên cũ kĩ, hết tính thời thượng. Theo logic như vậy, những cách viết bí hiểm, khó hiểu sẽ dần dần bị đào thải, còn những cách nói như “chán như con gián”, “buồn như con chuồn chuồn”, v.v... sẽ dần dần mất đi tính độc đáo và bị lãng quên. Tuy nhiên, vấn đề là sẽ lại có những cách viết bí hiểm, khó hiểu khác xuất hiện và thay thế cách viết hiện nay, sẽ có những lối nói, những kết hợp lạ khác xuất hiện trong ngôn ngữ giới trẻ, bởi lẽ cái nguyên do, cái động lực cho những cách viết, lối nói như vậy - là tâm lý thoải mái, chuộng sự mới lạ, thích khẳng định mình - vẫn tồn tại với giới trẻ, với những biến thái khác nhau, song hành cùng sự phát triển của xã hội. Và chúng ta cần chuẩn bị tâm lý để đối diện tình trạng này.

Riêng đối với những từ ngữ tiếng Anh xuất hiện theo kiểu chuyển mã hay trộn mã, chúng tôi đồng ý với các ý kiến cho rằng những từ được sử dụng với tần số cao có thể trở thành từ vay mượn (borrowings) và nhập vào hệ thống từ vựng tiếng Việt (Nguyễn Văn Khang, 2010). Bước tiếp theo, chúng có thể có những biến đổi về hình thức hay nội

dung để tồn tại như một đơn vị từ vựng bền vững trong tiếng Việt, điều mà chúng ta đã từng thấy trong lịch sử phát triển của tiếng Việt đối với các từ vay mượn gốc Hán, gốc Pháp □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Coupland N. (2007), *Style: Language Variation and Identity*, Cambridge University Press.
2. Crystal David (2006), *Language and the Internet*, Cambridge University Press.
3. Biber D. and Conrad S. (2009), *Register, Genre and Style*. Cambridge University Press.
4. Bullock B.E and Toribio A.J (eds) (2009), *Linguistic Code-switching*, Cambridge University Press.
5. Chomsky N. (1957), *Syntactic Structures*, The Hague, Mouton.
6. Chomsky N. (1965), *Aspects of the Theory of Syntax*, Cambridge, Mass., MIT Press.
7. Cook V.J and Newson M (2007), *Chomsky's Universal Grammar*, Blackwell Publishing.
8. Halliday M.A.K. (1985), *An introduction to Functional Grammar*, Arnold, London.
9. Halliday và Hasan (1985), *Language, context and text: Aspects of language in a social semiotic perspective*, Deakin University Press/OUP, Geelong/Oxford
10. Lyons J. (2008), *Chomsky*, Fontana Press.
11. Martin J.R. and P. White (2005), *The language of evaluation:*

- appraisal in English*, Palgrave Macmillan Press.
12. Nguyen Thuy Nga (2013), *Language Contact and English Borrowings in a Vietnamese Magazine for Teenagers*, PhD thesis, The University of Queensland.
 13. Bùi Khánh Thế (2014), “Lý thuyết về chuẩn ngôn ngữ và vấn đề chuẩn chính tả tiếng Việt”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 7.
 14. Hoàng Văn Hành (2000), “Những định hướng và bình diện của công cuộc giữ gìn sự trong sáng và chuẩn hóa tiếng Việt”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 2.
 15. Nguyễn Văn Khang (2010), “Sự tác động của xã hội đối với ngôn ngữ và những vấn đề đặt ra đối với chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 8 (255).
 16. Nguyễn Văn Toàn, “Tiếng Việt đang bị bụi bặm”, <http://www.vietnamnet.vn/vn/chinh-tri/tuanvietnam/71742/tieng-viet-dang-bi-bui-bam-.html>
 17. Phạm Dũng (2003), “Ngôn ngữ Email”, Tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống*, số 9.
 18. Phạm Văn Tình (2011), “Về cuốn sách “Sát thủ đầu mừng mủ”: Nên lắng nghe giới trẻ”, <http://thethaovanhoa.vn/van-hoa-giai-tri/ve-cuon-sach-sat-thu-dau-mung-mu-nen-lang-nghe-gioi-tren-20111026062453355.htm>.
 19. <http://www.bacgiangonline.net/diendan/showthread.php?t=10709&page=1>

(Tiếp theo trang 42)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
2. V. I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1980.
3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984.
4. Trường Cán bộ dân tộc (2011), *Tập bài giảng về công tác dân tộc*, Hà Nội.
5. *Các nước trên thế giới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1990.
6. GS.TS. Phan Hữu Dật (chủ biên, 2001), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. GS.TS. Vũ Dũng (2009), *Tâm lý học dân tộc*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
8. Mai Thanh Hải (2002), *Từ điển tôn giáo*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
9. Giáo sư B. N. Pônômarép (chủ biên, 1962), *Từ điển chính trị*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
10. M. Rôdentan và P. Iudin (chủ biên, 1976), *Từ điển triết học*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
11. Viện sĩ A. M. Rumiantxép (chủ biên, 1986), *Chủ nghĩa cộng sản khoa học. Từ điển*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva và Nxb. Sự thật, Hà Nội.